

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CÀ MAU Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 165/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11 – 7 – 2024

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Bấy

2. Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng H năm: 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Số B đường L, Khóm I, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Anh Lâm Phước T Sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường K B, Khóm A, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Nguyễn Hồng H1 trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Lâm Phước T kết hôn năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn, anh T1 ghen tuông vô cớ, hăm dọa gây áp lực tinh thần, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T2

- Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Lâm Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 27/7/2003 và Lâm Gia B ngày 31/5/2012. Đối với cháu H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, đối với cháu B1 ly hôn, tôi đồng ý giao cháu B2 ông T nuôi, tôi không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Lâm Phước T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh T đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh T vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lâm Phước T đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng H1 và anh Lâm Phước T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Nay chị H xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng với nhau và đã sống ly thân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T2 Để tạo điều kiện cho chị H và anh T hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án triệu tập các đương sự đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị H, không đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và đến thời điểm hiện tại chị H và anh T vẫn còn sống ly thân, việc này cho thấy anh T cũng không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị H kiên quyết xin ly hôn với anh T2 Xét thấy, hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc xin ly hôn với anh T2

[3] Về con chung: Chị H xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 27/7/2003 và Lâm Gia B ngày 31/5/2012. Đối với cháu H1 đã trưởng thành có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét; Đối với cháu B1 ly hôn, chị H đồng ý giao cháu B2 anh T nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng. Xét thấy cháu B đang sống cùng anh T, nguyện vọng của cháu B là muốn sống cùng cha nên việc giao cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu B là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do anh T3 quá trình giải quyết vụ án không có gửi ý kiến và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp anh T4 yêu cầu thì có quyền yêu cầu trong vụ một vụ án khác.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị H xác định không có và không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H xác định không có và không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồng H1 xin ly hôn với anh Lâm P T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Gia B ngày 31/5/2012 cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Chị H không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng H1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, ngày 02/5/2024, chị H nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008557 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu ngân sách nhà nước.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- UBND phường 6, tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng Xuyên